

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 10/5/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm.
- Bà Nguyễn Kim Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 7, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương – có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương – có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2023, lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai H trong quá trình giải quyết vụ án:

Qua mối quan hệ là bạn bè, ngày 01/8/2021 bà H có cho bà E vay số tiền là 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 06 tháng (từ ngày 01/8/2021 đến ngày 01/02/2022). Việc vay này, hai bên có làm Giấy mượn tiền do bà H ghi; bà H, bà E có ký, ghi tên, lấn tay vào giấy. Hai bên không thỏa thuận lãi suất khi vay tiền.

Quá thời hạn 06 tháng, bà E không trả tiền cho bà H. Bà H đòi lại tiền thì bà E trốn tránh, không trả cho bà H.

Nay, bà H khởi kiện yêu cầu bà E trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng. Bà H rút lại yêu cầu buộc bà E trả số tiền nợ lãi là 360.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bà E không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Bà E không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn V trình bày:

Ông V là chồng bà H. Ông V thống nhất với toàn bộ ý kiến của bà H có trong hồ sơ vụ án. Số tiền bà H cho bà E vay là tài sản riêng của bà H. Việc vay mượn giữa bà H và bà E, ông V không rõ.

Nay, bà H yêu cầu bà E trả lại tiền vay. Đây là việc riêng của hai bên, ông V không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án nhận thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà E phải trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông V đã trình bày ý kiến về toàn bộ nội dung của vụ án. Bà H và ông V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định. Bà E đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hình thức của hợp đồng:

Giấy mượn tiền ký giữa bà Nguyễn Thị Mai H với bà Nguyễn Thị E về hình thức là phù hợp với quy định tại Điều 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Về tính pháp lý của hợp đồng:

Theo Kết luận giám định số 1630/KL-KTHS(TL+ĐV) ngày 03/4/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương thể hiện “*Chữ ký, chữ viết họ tên và 04 (bốn) dấu vân tay mang tên “Nguyễn Thị E” dưới mục “Bên mượn” trên 01 (một) “Giấy mượn tiền”, đề ngày 01/8/2021 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải của Nguyễn Thị E, sinh năm 1992, nơi ĐKKH thường trú: A, H, B, Bình Dương trên 01 (một) “Tờ khai chứng minh nhân dân” số 281009049, lập ngày 02/10/2011 (ký hiệu M) là của cùng một người ký, viết và in ra*”. Chứng cứ này thể hiện giữa bà H và bà E thực tế có xác lập hợp đồng vay với nhau bằng giấy mượn tiền có bà H, bà E ký, ghi tên, lấn tay vào.

Nội dung Giấy mượn tiền đề ngày 01/8/2021 và lời khai của bà H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày vay. Tuy nhiên, quá thời hạn trên, bà E không trả bất kỳ khoản tiền nợ gốc nào cho bà H. Tòa án tiến hành triệu tập bà E nhiều theo quy định pháp luật nhưng bà E vắng mặt và không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả tiền nợ gốc cho bà H. Vì vậy, có căn cứ xác định, bà E đã vi phạm trả tiền nợ gốc cho bà H theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy cần buộc bà E phải trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng cho bà H.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà E trả số tiền nợ lãi 360.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp

luật.

[6] Về chi phí giám định: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 217, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 119, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị E về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị E phải trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Mai H cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị E còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai H về việc buộc bà Nguyễn Thị E trả số tiền nợ lãi 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Mai H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002054 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị E phải chịu số tiền là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

4. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị E phải chịu 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) để hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mai H.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hoàng An